

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tuyết

2. Ông Đào Văn Ngà

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà:** Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

1. VŨ THỊ M, sinh năm 1988

HKTT: thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Y tá; Con ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị T; có 02 con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

- **Người bị hại:** Ông Chu Minh H, sinh năm 1963 “có mặt”

Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- **Người làm chứng:** Chu Mạnh H “có mặt”; Phạm Hồng S, Nguyễn Văn T, Vũ Thanh T, Nguyễn Văn T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị M là y tá điều dưỡng của khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên. Do cần tiền để trả nợ, M đã tự nhận mình có nhiều mối quan hệ nên có khả năng xin việc làm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người đến nhờ xin việc. Thông qua sự giới thiệu của chị Vũ Thanh T là chị họ của M nên M biết ông Chu Minh H có con

tra là Chu Mạnh H vừa tốt nghiệp trường Trung cấp Y Bắc Ninh đang cần xin việc. M nói với chị T là có khả năng xin được việc làm cho con trai ông H vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên và hẹn gặp ông H tại nhà chị T. Đến ngày 22/8/2012, ông H cùng ông Phạm Hồng S là anh rể của ông H đến nhà chị T gặp M. M tự giới thiệu với ông H là có nhiều mối quan hệ nên có thể xin việc làm cho H vào làm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên với giá 180.000.000 đồng. Ông H đồng ý đưa cho M hồ sơ xin việc của H và số tiền 180.000.000 đồng, hai bên viết giấy nhận tiền có sự chứng kiến của chị T, ông S. M hứa hẹn với ông H trong năm 2012 sẽ có quyết định cho H vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên. M biết rõ quy định việc xin vào làm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên phải làm hồ sơ thi tuyển và đạt điểm chuyên môn mới được tuyển dụng vào làm nhưng sau khi nhận hồ sơ, M mang hồ sơ về nhà còn số tiền 180.000.000 đồng M dùng vào việc trả nợ hết. Khoảng vài tuần sau ông H gọi điện hỏi thì M nói dối: Đây là xuất đặc biệt không phải thi nên gia đình yên tâm chờ. Sau đó ông H nhiều lần gọi điện hỏi M nhưng M vẫn nói dối và hứa hẹn. Biết rõ tâm lý của ông H muốn xin việc cho con trai và cần tiền để trả nợ nên khoảng đầu năm 2014, M tiếp tục gọi điện cho ông H nói: Có quyết định về bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên rồi, chú chuẩn bị cho cháu một phong bì 7.000.000 đồng và một phong bì 5.000.000 đồng để cảm ơn. Ông H tin tưởng lời M nói nên đã mang số tiền 12.000.000 đồng đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên để gặp M. M bảo ông H ngồi đợi, đến gần tối thì M nói các sếp đi họp chưa về và bảo ông H đưa cho M 02 phong bì trong đó có tổng số tiền 12.000.000 đồng để M đi cảm ơn giúp. Sau đó, M mang hồ sơ của H nộp vào Sở y tế tỉnh Hưng Yên dự tuyển viên chức vào bệnh viện lao phổi tỉnh Hưng Yên còn số tiền 12.000.000 đồng M đã sử dụng để tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Đến tháng 6 năm 2016, ông H đã nhiều lần yêu cầu M hoàn trả lại số tiền 192.000.000 đồng nhưng M nhiều lần hứa hẹn và đến nay M vẫn chưa trả lại số tiền trên cho ông H.

Ngày 28/8/2017, ông H gửi đơn tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đề nghị xử lý theo pháp luật đối với hành vi của M.

Tại Kết luận giám định số 03/PC54 ngày 03/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên: Chữ ký, chữ viết họ tên Vũ Thị M trên giấy biên nhận đề ngày 22/8/2012 (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết của Vũ Thị M trên Bản tự khai đề ngày 25/7/2017 (ký hiệu M) là của cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Ông H yêu cầu M phải trả lại số tiền 192.000.000 đồng. Ngày 29/3/2018, bị cáo đã trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại ông Chu Minh H xác định đã nhận được 50.000.000 đồng tiền bồi thường do bị cáo khắc phục và số tiền còn lại 142.000.000đ bị cáo M sẽ

có trách nhiệm trả tiếp cho ông. Ông H có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 03 /CT-VKSHTL ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Vũ Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của bị cáo đã có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Thị M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định và buộc bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; Giao bị cáo cho UBND xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho người bị hại. Buộc bị cáo phải tiếp tục có trách nhiệm trả ông H 142.000.000 đồng.

Bị cáo M nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và được cải tạo tại địa phương vì hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những

người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như lời khai của người bị hại ông Chu Minh H, lời khai của những người làm chứng chị Vũ Thanh T, anh Chu Mạnh H, ông Nguyễn Văn T, ông Phạm Hồng S... nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/8/2012 và khoảng đầu năm 2014 do cần tiền để trả nợ, Vũ Thị M đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của ông Chu Minh H tổng số tiền 192.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Trong vụ án này bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối hai lần chiếm đoạt tài sản ông H với tổng số tiền là 192.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu, nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải xét xử nghiêm M trước pháp luật, dành cho bị cáo một mức hình phạt thoả đáng mới đủ sức giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn, hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; ông H đã có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có đơn xin được cải tạo tại địa phương và được Chính quyền xác nhận, hiện đang nuôi con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Tuy nhiên, bị cáo đã có ý thức tự nguyện bồi thường một phần cho người bị hại. Bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo

quy định tại Điều 51 BLHS. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và có khả năng tự cải tạo nên chỉ cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa hôm nay.

Đối với chị Vũ Thanh T là người đã giới thiệu ông H với bị cáo. Quá trình điều tra đã có đủ cơ sở để xác định chị T không biết việc bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của ông H và không hưởng lợi gì từ việc đó. Do không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị T.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100.000.000đ. Xét bị cáo mặc dù có công việc ổn định tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên nhưng theo cung cấp của chính quyền địa phương, gia đình thì bị cáo ngoài tiền lương hàng tháng là 4 – 5 triệu đồng/tháng thì không có tài sản riêng, ở cùng với mẹ đẻ đã già yếu và thường xuyên bệnh tật; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn chồng vào năm 2016 và đang nuôi hai con nhỏ, lớn 7 tuổi nhỏ hơn 2 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho người bị hại. Số tiền còn lại 142.000.000 đồng bị cáo khai nhận sẽ có trách nhiệm trả cho ông H, ông H đồng ý.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự;

2. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị M 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho UBND xã X, huyện T, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000đ cho ông Chu Minh H. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường trả cho ông H số tiền là 142.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không chịu thi hành khoản tiền bồi thường nói trên, ông H có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà bị cáo không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 7.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại; báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Thanh

